

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Lê Quý Đôn

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác:

- Địa điểm trụ sở chính: Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn – Khu 3 - Phường Yên Giang - Thị xã Quảng Yên – Tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại: 0203.3547811;

- Website: <http://quangyen.quangninh.edu.vn/c2lequydon/Home.aspx>;

- Email: c2lequydon.qy.quangninh@moet.edu.vn.

3. Loại hình của trường: Công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND thị xã Quảng Yên.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

Sứ mạng: Xây dựng nhà trường thành trường THCS trọng điểm chất lượng cao; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, có chất lượng giáo dục cao; phấn đấu để mọi học sinh chăm ngoan, học giỏi, phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực.

Tầm nhìn: Là một trường THCS trọng điểm chất lượng cao của thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, đào tạo học sinh trở thành những công dân có phẩm chất đạo đức tốt, yêu Tổ quốc Việt Nam XHCN; có trình độ cao về kiến thức, ham học hỏi, sáng tạo; tự tin và linh hoạt trong cuộc sống.

Mục tiêu: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục chất lượng cao, hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại; Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn cho học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Nằm tại trung tâm Thị xã Quảng Yên – một vùng đất giàu truyền thống văn hóa và lịch sử, Trường THCS Lê Quý Đôn được thành lập ngày 6/11/1996, kế thừa từ Trường THCS Trọng Điểm. Trải qua hai lần đổi tên (giai đoạn 1996–2000 mang tên Trường THCS Trọng Điểm, từ tháng 1/2000 đổi thành Trường THCS Lê Quý Đôn), ngôi trường đã chuyển mình từ một cơ sở vật chất đơn sơ, đến năm 2008, trở thành một ngôi trường khang trang, sạch đẹp tại phường Yên Giang.

Năm đầu tiên thành lập, trường có 8 lớp với tổng số 265 học sinh. Mỗi năm, Trường THCS Lê Quý Đôn luôn thu hút những học sinh xuất sắc từ các trường tiểu

học trong khu vực. Qua quá trình đào tạo, nhà trường đã chấp cánh cho nhiều thế hệ học sinh: Hiện diện ở các tuyến đầu bảo vệ Tổ quốc, từ thành phố đến biên giới, hải đảo; Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ đang công tác trong các lĩnh vực như nghiên cứu khoa học, y tế, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật và doanh nghiệp. Học sinh trưởng thành từ mái trường Lê Quý Đôn không chỉ là những công dân ưu tú mà còn góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày càng phát triển.

Đội ngũ giáo viên nhà trường luôn được đánh giá cao với phẩm chất chính trị vững vàng và năng lực chuyên môn giỏi. Nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp tỉnh, cấp thị xã, được trao tặng các danh hiệu cao quý. Với sự sáng tạo và đổi mới không ngừng trong quản lý và giảng dạy, nhà trường luôn duy trì chất lượng giáo dục hàng đầu tại Thị xã Quảng Yên và nằm trong tốp đầu của tỉnh.

Những thành tích đáng tự hào: Trải qua hành trình phát triển, Trường THCS Lê Quý Đôn đã gặt hái được nhiều danh hiệu cao quý: Nhiều năm liền được công nhận là “Tập thể lao động xuất sắc”; Nhận Cờ thi đua, Bằng khen từ UBND Tỉnh, Bộ Giáo dục và Thủ tướng Chính phủ; Đặc biệt, trường đã vinh dự nhận: Huân chương Lao động hạng Ba năm 2013, Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2018.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Nguyễn Thị Tình, chức vụ: Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng;

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Lê Quý Đôn;

Số điện thoại: 0352.613.888;

Địa chỉ thư điện tử: nguyenthitinh.c2lequydon@pgdquangyen.edu.vn.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN

* Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 39 người

Trong đó: - BGH: 03 (Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 02)

- Giáo viên: 34, trong đó: biên chế: 33, hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế: 01.

Tỷ lệ giáo viên / lớp: $34/18 = 1,89$.

- Nhân viên: 6, trong đó: biên chế: 02, hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế: 01; Hợp đồng thời vụ của trường: 03 (Bảo vệ: 02; Lao công: 01).

- Số lượng giáo viên đủ các bộ môn đủ đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Trên 90% giáo viên có chuyên môn giỏi, là những đồng chí có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

- Các đồng chí nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định.

T	Đối tượng	Số	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuẩn nghề	Ghi
---	-----------	----	-----------	------------------	------------	-----

T		lượng							nghiep		chú
			Nam	Nữ	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau đại học	Tốt	Khá	
1	Hiệu trưởng	1		1				1	1		
2	Phó hiệu trưởng	2	1	1			2		2		
3	GV Ngữ văn	6		6			6		5	1	
4	GV Toán	6	1	5			5	1	4	1	1 HĐ mới
5	GV Tiếng Anh	4		4			4		4		
6	GV Giáo dục công dân	1		1			1		1		
7	GV Lịch sử	2		2			2		2		
8	GV Địa lí	2		2			2		2		
9	GV Vật lý	1	1				1		1		
10	GV Hóa Sinh	4		4			4		3	1	
11	GV Tin học	2		2			2		2		
12	GV Giáo dục thể chất	2	1	1			2		1	1	
13	GV Âm nhạc	2	1	1			2		2		
14	GV Mỹ thuật	1		1			1		1		
15	Nhân viên thư viện, thiết bị	1		1			1				HĐ
16	Nhân viên kế toán	1		1			1				
17	Nhân viên Thủ quỹ	1		1	1						
	Tổng số	39	5	34	1	0	36	2	32	4	
	Tỷ lệ				2,6		92,1	5,3	88,6	10,5	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Số lượng	Đối sánh
I	Diện tích đất	m2	10.972	
	Diện tích bình quân/HS	m2	14,5	Đủ
II	Khối phòng hành chính quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng:	Phòng	01	Đủ
2	Phòng Phó Hiệu trưởng:	Phòng	01	Đủ
3	Văn phòng:	Phòng	01	Đủ
4	Phòng bảo vệ:	Phòng	01	Đủ
5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên:	Phòng	01	Đủ
6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên:	Phòng	01	Đủ
7	Phòng tổ Văn phòng	Phòng	01	Đủ
III	Khối phòng học tập			

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Số lượng	Đối sánh
1	Phòng học:	Phòng	15	Diện tích nhỏ, đủ học 2 ca
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	Phòng	0	Thiếu
3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật:	Phòng	0	Thiếu
4	Phòng học bộ môn Công nghệ:	Phòng	0	Thiếu
5	Phòng học bộ môn Tin học:	Phòng	1	Đủ
6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ:	Phòng	1	Đủ
7	Phòng học bộ môn KHTN	Phòng	2	Đủ
8	Phòng KHXH	Phòng	0	Thiếu
9	Phòng đa chức năng:	Phòng	0	Thiếu
IV	Khối phòng hỗ trợ học tập			
1	Thư viện:	Phòng	1	Đủ
2	Phòng thiết bị giáo dục:	Phòng	1	Diện tích nhỏ
3	Phòng tư vấn học đường:	Phòng	1	Đủ
4	Phòng truyền thống:	Phòng	1	Đủ
5	Phòng Đoàn Đội	Phòng	1	Đủ
V	Khối phụ trợ			
1	Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường	Phòng	1	Diện tích nhỏ
2	Phòng họp trực tuyến	Phòng	1	Đủ
3	Phòng giáo viên	Phòng	2	Đủ
4	Phòng nghỉ giáo viên	Phòng	0	Thiếu
5	Phòng các tổ chuyên môn	Phòng	02	Thiếu 1 phòng
6	Phòng Y tế trường học	Phòng	1	Đủ
7	Nhà kho		2	Đủ
8	Khu để xe học sinh		1	Đủ
9	Khu vệ sinh học sinh		1	Đủ
10	Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường		1	Đủ
VI	Khu sân chơi, thể dục			
1	Khu sân chơi (sân trường)	m2	1500	Đủ
2	Sân thể dục, thể thao	m2	1500	Đủ
3	Nhà đa năng (Có bể bơi, nhà tập cầu lông)		2	Đủ
VII	Khối phục vụ sinh hoạt			
1	Nhà bếp	Phòng	1	Đủ
2	Kho bếp	Phòng	1	Đủ
3	Nhà ăn	Phòng	1	Đủ
4	Nhà ở nội trú học sinh	Phòng	6	Đủ
5	Phòng quản lý học sinh	Phòng	0	Thiếu
6	Phòng sinh hoạt chung	Phòng	0	Thiếu
VIII	Hạ tầng kỹ thuật			
1	Hệ thống cấp nước sạch:			Đảm bảo
2	Hệ thống cấp điện			Đảm bảo

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Số lượng	Đối sánh
3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:			Đảm bảo
4	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc			Đảm bảo
5	Khu thu gom rác thải			Đủ

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường đã được công nhận trường chuẩn Quốc gia năm 2016, hiện nay đang xây dựng lộ trình tham mưu với UBND thị xã, Phòng GD&ĐT và bằng nguồn tự chủ tài chính nhà trường sửa chữa, trang bị thêm CSVC để tháng 7/2025 được cấp thẩm quyền kiểm tra đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận lại trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Kết quả tuyển sinh lớp 6 THCS	220	220			
II	Thông tin học sinh					
1	Tổng số học sinh theo từng khối	724	228	166	153	177
2	Số lớp	17	5	4	4	4
3	Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối	42,6	45,6	41,5	38,3	44,3
4	Số học sinh nam/số học sinh nữ	317/349	108/120	95/70	82/71	82/97
5	Số học sinh dân tộc thiểu số	1	0	0	1	0
6	Số học sinh khuyết tật	0	0	0	0	0
7	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Chuyển đến: 5 Chuyển đi: 4	1 1	2 1	2 1	0 1
8	Số học sinh bỏ học	0	0	0	0	0
III	Kết quả đánh giá học sinh					
1	Hạnh kiểm, Rèn luyện	724	228	166	153	177
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	642 88,7%	213 93,4%	141 84,9%	138 90,2%	150 84,8%
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	64 8,8%	10 4,4%	21 12,7%	15 9,8%	27 15,2%
	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	9 1,2%	5 2,2%	4 2,4%	0	0
	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

2	Học lực, Học tập	724	228	166	153	177
	Giỏi (Tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	369 51,0%	134 58,8%	90 54,2%	72 47,1%	73 41,2%
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	253 34,9%	57 25,0%	55 33,1%	66 43,1%	75 42,4%
	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	94 13,1%	32 14,0%	18 10,8%	15 9,8%	29 16,4%
	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	8 1,1%	5 2,2%	3 1,8%	0	0
	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	716 98,9%	224 98,2%	163 98,2%	153 100%	177 100%
4	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	7 0,9%	4 1,8%	3 1,8%	0	0
IV	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	177	0	0	0	177
	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					73 41,2%
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					75 42,4%
	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					29 16,4%
V	Số học sinh thi đỗ THPT công lập					
	Số lượng, tỷ lệ so với tổng số tốt nghiệp					152/177 85,9%
	Số lượng, tỷ lệ so với tổng số dự thi					152/160 95,0%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Kết quả thu chi tài chính năm 2024:

1.1. Các khoản thu:

- + Ngân sách nhà nước: 7.825.150.215đ;
- + Học phí: 1.743.360.000đ (Nhà nước hỗ trợ theo NQ 97/NQ-CP, NQ 42/2024/NQ-HĐND).
- + Nguồn thu khác: Không

1.2. Các khoản chi:

- + Chi tiền lương và thu nhập: 6.403.744.583đ
- + Chi CSVC và dịch vụ: 510.000.000đ.

- + Chi cấp bù học phí : 1.743.360.000đ.
- + Chi hỗ trợ người học: 1.050.000đ.
- + Chi khác: 910.355.632đ.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học năm 2024:

- + Học thêm: 1.290.279.000đ, mức thu: 10.000đ/tiết;
- + Nước uống: 55.317.000đ, mức thu 8.000đ/tháng;
- + Phương tiện tham gia giao thông: 55.940.000đ, mức thu 15.000đ/tháng.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách năm 2024:

Hỗ trợ học phí và chi phí học tập: 1.050.000đ.

4. Số dư các quỹ: Không

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Phổ cập giáo dục: Phổ cập giáo dục THCS năm 2024 đạt mức độ 3; Phổ cập xóa mù chữ đạt mức độ 2.

2. Kết quả thi đua, khen thưởng:

+ CB, GV, NV: LĐTT 34/34; CSTĐCS: 19/34; Giấy khen thị xã: 22 (HKPD: 02; Ôn HSG: 8; cuối năm học: 12); Giấy khen Sở GD&ĐT: 3 (HKPD: 01; cuối năm học: 02).

+ Nhà trường: Được UBND tỉnh Quảng Ninh công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và tặng Cờ đơn vị dẫn đầu thi đua khối các trường THCS tỉnh Quảng Ninh.

+ Công đoàn: Được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhận Bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh.

+ Liên đội: Được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhận Bằng khen của Tỉnh đoàn.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (B/c);
- BCH nhà trường;
- Công đoàn, Đoàn TN;
- Công khai trang Wb trường;
- Lưu VP./.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tình

